

## TIỀN BẠC, ĂN CHƠI, VÀ PHIÊU LƯU: CHUYỂN BIẾN NAM TÍNH TRONG MỘT CỘNG ĐỒNG KINH DOANH PHÉ LIỆU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

NGUYỄN THỊ NGUYỆT MINH<sup>1</sup>

### Giới thiệu

Huyện Mùa Xuân, một buổi tối tháng 12 năm 2011. Mặc dù bên ngoài trời đang mưa nặng hạt, nhưng cuộc chuyện trò không vì thế mà kém vui, quanh bàn trà, sau bữa thịnh soạn do những người đàn ông tự chuẩn bị, uống cùng với rượu gạo thơm ngon. Đó là bữa tiệc với hai người phụ nữ chúng tôi, một cán bộ cùng nghiên cứu tên Tâm và tôi, cùng ba người đàn ông ở độ tuổi khác nhau: Nhâm, Dân và Linh và bố của Dân - ông Mạnh<sup>2</sup> chủ nhà nơi tôi ở. Vợ ông Mạnh - bà Lan, đang ở Hà Nội làm công việc buôn bán đồ đồng nát lưu động. Dân và Linh chuyện trò rôm rả về các dịch vụ tuyệt vời tại các quán cà phê Sài Gòn, nơi những người phục vụ nữ pha cà phê cho họ và ngồi lại để tán gẫu. Nhiều quán cà phê chỉ phục vụ riêng các đôi trai gái hoặc đàn ông và nhiều quán cà phê còn có cả vông để người ta có thể chợp mắt. Có những quán có cùng một loại cà phê nhưng giá cả lại khác nhau, phụ thuộc vào vị trí chỗ ngồi kín đáo và riêng tư. Linh và Dân nói rằng họ đã học một số thói quen của người Sài Gòn.

Người Sài Gòn không thể sống mà thiếu cà phê; họ uống cà phê bất cứ lúc nào - vào buổi sáng khi đọc báo, hoặc thậm chí vào lúc nửa đêm. Đối với những người đến quán, điều quan trọng nhất đối với họ là có một chỗ ưng ý để ngồi và họ sẵn sàng trả tiền cho chỗ ngồi đó hơn là trả tiền cho đồ ăn thức uống. Câu chuyện làm cho ông Mạnh phải xen vào và nói rằng uống cà phê ở miền Nam cũng giống như uống trà ở miền Bắc. Trước đây khi ông là người lao động ở Hà Nội, có một bà bán chè chén ở Hà Nội, chè ngon tới mức khách hàng khó có thể tìm được chỗ ngồi để uống vào mỗi buổi sáng. Chè của bà ấy uống vào những buổi sáng sớm mới thật là tuyệt, như *phở* của Hà Nội. Ba người đàn ông nói rất nhiều, Nam là người trẻ nhất, chỉ ngồi nghe với sự tán phục, còn Tâm và tôi cũng bị cuốn hút bởi những câu chuyện sinh động, mà rõ ràng đôi khi họ cũng phóng đại thêm để câu chuyện thêm phần hấp dẫn.

Nhâm, Dân và Linh là những người bạn cùng làng, có họ xa với nhau. Nhâm 17 tuổi, một người lao động di cư trở về nhà nghỉ ngơi trước khi tham gia vào buôn bán phế liệu ở đô thị, được mẹ dìu dắt, mẹ Nhâm đã có trên 20 năm kinh nghiệm trong buôn bán đồ đồng nát ở Hà Nội. Dân 22 tuổi và

<sup>1</sup> Tôi xin cảm ơn Tạ Thị Tâm vì đã trợ giúp nghiên cứu tận tình trong thời gian điền dã.

<sup>2</sup> Tất cả những tên riêng và tên địa phương trong bài này đều là biệt danh, trừ tên của tỉnh.

Linh 30 tuổi, trước đây họ là những người buôn bán phế liệu, nhưng nay cả hai đã chuyển sang nghề khác. Dân làm lái xe tải thuê ở thành phố Hồ Chí Minh trong 3 năm qua; anh ta trở về quê để chuẩn bị kết hôn, sau đó dự định mở một bãi phế liệu ở Hà Nội. Linh cũng đã từng là người lái xe ba bánh ở Hà Nội, chở vật liệu xây dựng tới các công trình nhỏ và nay lại trở về nhà để trông nom việc xây dựng nhà mình. Ông Mạnh, bố của Dân, chưa từng là người buôn phế liệu, nhưng trong cách nói của mình, ông ấy đã “đi khắp mọi nơi”, kể cả những vùng miền núi hẻo lánh và cả Hà Nội, cho tới khi ông trở về nhà vào đầu những năm 1990 để cho vợ ông đi làm xa.

Bài viết này dựa trên cơ sở một năm công tác điền dã dân tộc học từ giữa năm 2011 đến năm 2012, tại huyện Mùa Xuân ở đồng bằng sông Hồng với Hà Nội. Từ những câu chuyện như ở trên và những trao đổi cá nhân với từng người đàn ông trong vùng, tôi bắt đầu tập hợp lại thành một bức tranh về cách thức mà họ nhập cuộc và từ bỏ công việc kinh doanh phế liệu ở đô thị, một nghề di cư chiếm ưu thế trong vùng (Nguyễn, 2013). Như chúng ta thấy, sự chuyển đổi nghề nghiệp của họ chịu ảnh hưởng của những ý niệm khác nhau về nam tính theo thời gian, khi họ trải qua những biến đổi từ thanh niên cho tới hôn nhân và làm cha. Mặc dù họ có cách sống khác với những người cha của họ khi còn trẻ, khi họ chịu tác động của những tiếp xúc với văn hóa đàn ông đô thị và được khích lệ bởi những cơ hội tình cờ trong buôn bán phế liệu ở đô thị, dần dần tư tưởng mang tính chuẩn mực về người đàn ông trở nên hợp với họ hơn. Tuy nhiên, những tư tưởng này trong mấy thập kỷ qua

cũng đã biến chuyển nhiều ở địa phương, với việc đàn ông ở nhà để những người đàn bà đi tìm việc làm ở đô thị. Điều này chỉ ra tính chất luôn biến đổi của nam tính và cách thức bản sắc giới ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự tham gia của nam giới vào công việc buôn bán, tương tự như đối với phụ nữ.

### 1. Nam tính của đàn ông Việt Nam và thị trường

Nam tính liên quan tới “cách thức làm người đàn ông trưởng thành được xã hội chấp nhận trong một nền văn hóa bất kỳ” (Gilmore, 1990, tr. 1); theo định nghĩa này, nam tính là những kiến tạo xã hội và văn hóa. Nó rất dễ biến đổi, luôn hình thành và biến chuyển trong các tương tác xã hội theo các mối quan hệ về quyền lực của các tương tác xã hội đó. Đặc biệt, nó xúc tác với các quan niệm thịnh hành về nữ tính và những kỳ vọng xã hội mà người đàn ông cảm nhận đến từ những người xung quanh họ, kể cả phụ nữ (Cornwall và Lindisfarne, 1994; Ford và Lyons, 2012).

Mặc dù tính gia trưởng nông dân (Wiegiersma, 1991) vẫn duy trì ảnh hưởng ở mức độ khác nhau, nam tính ở Việt Nam đã được hình thành bởi sự tác động lẫn nhau của nhiều nhân tố văn hóa - lịch sử. Thứ nhất, quan niệm Nho giáo về nam tính phân biệt “người quân tử”, người đàn ông có đạo đức cao thượng, tư tưởng xã hội, biết quan tâm tới hạnh phúc của những người khác, với “kẻ tiểu nhân”, người đàn ông có đầu óc hẹp hòi, chỉ chú tâm tới lợi ích riêng trước mắt và những thú vui tầm thường. Thứ hai là việc xây dựng người đàn ông xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ bao cấp, kéo dài từ những năm 1950 tới giữa những năm 1980.

Do những cuộc chiến dài trong thời kỳ này, người đàn ông lý tưởng trong thời kỳ này là người công nhân sản xuất xã hội chủ nghĩa (thường có ở các cơ quan nhà nước và các vị trí lãnh đạo) và/hoặc là những người lính sẵn sàng chiến đấu và hy sinh đời mình vì dân tộc. Mặc dù có sự mâu thuẫn giữa việc lý tưởng hóa của Nho giáo về người đàn ông gia giáo, nho nhã với hình ảnh người lính chiến đấu - người công nhân trong thời kỳ xã hội chủ nghĩa nhà nước, sự hội tụ của hai mô hình nam tính này là sự từ chối ham muốn tình dục và quan tâm cá nhân tới lợi ích vật chất.

Sau Đổi mới, đánh dấu thời kỳ quá độ của đất nước chuyển sang chủ nghĩa xã hội theo cơ chế thị trường, những hình mẫu nam tính này đã trải qua những thay đổi lớn lao với xã hội ngày càng ủng hộ việc tích lũy của cải, sự tôn vinh các doanh nhân, và sự gia tăng của chủ nghĩa tiêu thụ, cũng giống như quan sát ở Trung Quốc thời kỳ hậu Mao (xem Song, 2004). Ngoài sự cho phép làm giàu và tiêu dùng xa xỉ là sự ủng hộ ngầm ngầm với việc đàn ông sử dụng mại dâm để thư giãn và nuôi dưỡng các mối liên hệ kinh doanh (Nguyen-Vo, 2008; Vu, Nguyen và cộng sự, 2010; Horton và Rydstrom, 2011). Để trở thành một người đàn ông được đánh giá cao hiện nay, người ta không cần phải tránh các hoạt động tìm kiếm thú vui xác thịt hay xấu hổ khi thể hiện rằng mình có tiền và có thể kiếm tiền. Quyền lực làm ra tiền hay một loại quyền lực nào đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra tiền của trở thành một chuẩn mực quan trọng đối với đàn ông sau Đổi mới, và khả năng chi trả cho thú vui nhục dục được coi như là một đặc quyền của những người đàn ông thành

đạt. Điều này không có nghĩa là những khuôn mẫu nam tính trước đây đã bị xóa bỏ; đúng hơn, chúng cùng tồn tại và tương tác với những ý tưởng mới về nam tính dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mang tính chất thị trường.

Chẳng hạn, việc cùng tồn tại những ý niệm khác nhau về nam tính có thể thấy khi so sánh sự đánh giá khác biệt đối với hoạt động doanh nghiệp do đàn ông lãnh đạo với buôn bán nhỏ do phụ nữ thường làm chủ. Quan niệm rằng một doanh nhân đòi hỏi phải có kiến thức, công nghệ và kỹ năng lãnh đạo hiện đại, trái ngược với các hoạt động tầm thường và mang tính chất trực quan hơn của các tiểu thương nữ, phù hợp với vai trò trong gia đình của họ (Leshkovich, 2011)<sup>1</sup>, cho thấy ảnh hưởng của mô hình nam tính Nho giáo nhấn mạnh giới văn sĩ luôn chỉ quan tâm tới những vấn đề mang tính trí tuệ. Vì vậy, một người đàn ông vẫn có thể được coi là có phẩm chất của người “quân tử” khi họ kiếm ra tiền và quan tâm tới lợi ích vật chất, miễn là cách làm của họ được xã hội chấp thuận. Điều này không phủ nhận là trong thực tiễn có nhiều doanh nhân là nữ giới và nhiều người buôn bán ở chợ là nam giới. Tuy vậy, những quan niệm này dẫn tới việc khi người ta vượt quá giới hạn của các loại hình hoạt động kinh tế phù hợp với giới của mình, họ phải biện minh cho những hành động của họ bằng nhiều cách khác nhau. Trong phần sau, tôi cung cấp những thông tin cơ bản của báo cáo và trình bày vắn tắt cách thức mà những người đàn ông buôn

<sup>1</sup> Hai hình mẫu này thuộc các giai cấp xã hội khác nhau. Mặc dù họ vẫn có các mối quan hệ khác nhau với đàn ông và phụ nữ của cùng giai cấp, hành xử của họ bị chi phối bởi cùng một động thái giới.

bán phế liệu ở huyện Mùa Xuân đã làm đề biện minh cho sự tham gia của họ vào buôn bán phế liệu đô thị qua công việc hàng ngày của họ.

## 2. Lịch sử di cư lao động địa phương và nghề buôn bán phế liệu của đàn ông

Huyện Mùa Xuân thuộc một tỉnh của đồng bằng sông Hồng, cách Hà Nội khoảng 130km. Huyện có 19 xã, với số dân là 180.000 người. Cho tới nay, trồng lúa vẫn là nghề chính của huyện, lại thêm mật độ dân số cao, di cư lao động vẫn luôn là một phần của sinh kế địa phương, ít nhất từ thời kỳ thuộc địa (Gourou, 1955; Le, Rambo và cộng sự, 1993). Hoạt động này vẫn được tiếp tục, cho dù ở quy mô nhỏ hơn, trong 4 thập niên tiếp theo của nhà nước xã hội chủ nghĩa, bất chấp những quy định nghiêm ngặt của nhà nước về biến động dân số (Hardy, 2003). Hai cuộc chiến tranh trong thời kỳ này khiến nhiều đàn ông và đàn bà phải vắng nhà trong thời gian dài. Từ Đổi mới đến nay, việc di cư ra các vùng đô thị đã tăng lên, cũng giống như các vùng miền khác, cùng với việc loại bỏ hạn chế di chuyển và đô thị hóa nhanh. Tại huyện Mùa Xuân, có hai dòng di cư riêng biệt, một nhóm đi để làm công ăn lương và một nhóm rời quê nhà với mục đích nâng cao học vấn. Những người di cư vì học vấn thường có mục tiêu tìm kiếm cơ hội việc làm ở Hà Nội hoặc trở lại làm việc tại các cơ quan nhà nước đóng tại huyện. Phần lớn họ xuất phát từ những nơi như trung tâm hành chính của huyện, nơi tập trung các cán bộ và quan chức địa phương.

Những người di cư lao động của huyện, đối tượng chính của nghiên cứu này,

phần lớn làm nghề kinh doanh phế liệu. Khởi điểm từ một thị trường nhỏ hẹp đã có nguồn gốc lịch sử từ thời thuộc địa trong buôn bán phế liệu<sup>2</sup>, họ đã giúp cho việc phát triển một nền kinh tế tái chế trên phạm vi rộng, với hàng chục ngàn người tham gia trong các thành phố lớn (Mitchell, 2008; Mitchell, 2009). Ngày nay, người dân của huyện Mùa Xuân chủ yếu là những người buôn bán phế liệu lưu động (*đồng nát* hay *đi chợ* theo cách nói của người địa phương) hoặc mở bãi phế liệu đô thị và làm nghề chạy xe. Trong khi nghề buôn bán phế liệu lưu động là hoạt động mang tính chất cá nhân, thì việc mở bãi phế liệu, ngoài việc đầu tư tài chính, còn đòi hỏi phải có lao động kết hợp của nhiều thành viên trong gia đình và vì thế những cặp vợ chồng thường di cư cùng nhau.

Bài viết này liên quan tới một số báo cáo khác của tôi dựa trên cùng một chuyên đề đã. Một trong những báo cáo đó (Nguyen, 2014), tôi cho thấy rằng các hoạt động sinh kế khác nhau của dân di cư có ảnh hưởng lớn tới cách thức hộ gia đình tổ chức việc chăm sóc các thành viên của mình, qua đó điều chỉnh lại các mối quan hệ giới và thế hệ trong phạm vi hộ gia đình. Trước Đổi mới, thường những người đàn ông như ông Mạnh đi tới những vùng xa xôi để làm việc trong những mỏ vàng hay ra thành phố lao động chân tay, để người vợ ở nhà làm những việc chủ yếu như chăm sóc con cái và lao

<sup>2</sup> Trước đây, một người làng đã làm Giám đốc Công ty Vệ sinh Hà Nội thời thuộc địa (Michael, 2008). Dưới sự bảo trợ của ông ấy, một số nam thanh niên trong làng được vào làm việc tại Công ty, mang theo cả vợ con, đó là những người đầu tiên làm việc tại bãi rác của thành phố ở Hà Nội và sau này lập nên thị trường riêng của họ về kinh doanh phế liệu đô thị.

động sản xuất. Sau Đổi mới, những hình thức buôn bán phế liệu khác nhau của người dân địa phương đã thay đổi cách thức tổ chức việc chăm sóc nội bộ gia đình. Hoặc là người phụ nữ rời nhà đi buôn bán phế liệu lưu động và người chồng ở nhà làm công việc đồng áng và đảm nhận việc chăm sóc gia đình, ngược lại với những sắp xếp trước đây, giống như gia đình nhà ông Mạnh, hoặc các cặp vợ chồng di cư cùng nhau để mở bãi phế liệu, để con ở nông thôn với ông bà hoặc những người họ hàng khác. Trong một báo cáo khác (Nguyen, 2013), tôi miêu tả chi tiết các hoạt động buôn bán phế liệu của người dân địa phương. Báo cáo này cho thấy rằng địa vị bên lề của họ với tư cách là dân di cư buôn bán phế liệu ở Hà Nội tạo điều kiện cho họ sử dụng không gian đô thị một cách sáng tạo để kiếm sống và có thể tích lũy của cải ở các mức độ khác nhau. Tuy vậy, buôn bán phế liệu thường không ổn định và chịu rủi ro lớn do những bất ổn của nền kinh tế trong nước và toàn cầu và do vị thế của họ là những người dân di cư từ nông thôn.

Nghề buôn bán phế liệu cũng mang nặng tính chất giới. Có ít đàn ông hơn đàn bà làm nghề này (ít hơn 20% nam giới). Cho dù cả đàn ông và đàn bà về cơ bản đều làm cùng một công việc: mua phế liệu tái chế từ các cơ sở kinh doanh và các hộ gia đình để bán lại cho các kho phế liệu hay những cơ sở tái chế, có sự phân biệt rất rõ ràng giữa công việc của hai giới. Theo thuật ngữ địa phương, những người phụ nữ thường được gọi là “đồng nát” và công việc ở thành thị của họ được gọi là “đi chợ”; còn đàn ông thì được gọi là “đi đồ điện”. Đàn ông thường nhấn mạnh rằng họ có kiến thức tốt hơn về

kỹ thuật và có kỹ năng thị trường cần thiết trong kinh doanh các thiết bị điện so với những người buôn bán phế liệu là nữ. Theo quan niệm của đàn ông, những người phụ nữ này chỉ có thể buôn bán được những đồ phế thải gia đình lặt vặt. Không giống với những người buôn bán phế liệu nữ, những người thường xây dựng quan hệ chủ - khách với các hộ gia đình trong một khu vực đô thị cụ thể, đặc biệt thông qua quan hệ với những người phụ nữ đô thị<sup>3</sup>, những người buôn đồng nát nam thường hoạt động trong phạm vi đô thị rộng lớn hơn và cũng có xu hướng liên kết nhiều hơn với những hoạt động sửa chữa và phục chế lại do nam giới cai quản. Những cách hành xử này cho thấy những người buôn đồng nát nam giới cố gắng tách mình ra khỏi những ám chỉ xã hội về đồ thải và sự bẩn thỉu và về nghề buôn bán ở chợ, một nghề bị coi là có nguồn gốc từ phụ nữ, đặc biệt là nghề buôn đồng nát. Tiếp sau đây, tôi đi sâu hơn vào các công việc hàng ngày của những người đàn ông buôn bán phế liệu và đặt họ trong một khuôn khổ nam tính vừa nhiều biến động vừa ăn sâu vào tư tưởng văn hóa lâu dài.

### **3. Mọi thứ không còn giống như trước đây nữa (như đối với cha tôi): tiền bạc, ăn chơi và chấp nhận rủi ro trong thế hệ trẻ**

Bên ấm trà sau bữa cơm tối, ông Mạnh đã nhiều lần kể cho chúng tôi về thời kỳ trước khi ông ra đi tìm kế sinh nhai. Ông kể

<sup>3</sup> Những người buôn bán đồng nát nữ giới phần lớn dọn dẹp nhà ở theo giờ cho các hộ gia đình đô thị ở xung quanh, đó cũng là cách giúp cho họ tiếp cận với đồ đồng nát của hộ gia đình và xây dựng mối liên hệ thường xuyên với các hộ gia đình sống lân cận.

lại rất chi tiết những chuyến đi đào vàng của mình cùng với một số đàn ông khác trong làng vào đầu những năm 1980, nó đã để lại trong ông những ký ức đau đớn. Để thực hiện được những chuyến đi đào vàng ấy, ông và vợ ông đã phải vay mượn từ rất nhiều người để gom cho được một hoặc hai chỉ vàng cho mỗi chuyến đi, với hy vọng ông sẽ gặp may tại các nơi đào vàng. Những chuyến đi như vậy kéo dài khoảng ba đến sáu tháng, trong thời gian đó gia đình chẳng có tin tức gì về ông. Công việc rất khó khăn và nguy hiểm; có rất nhiều kẻ cướp tại những nơi đó; nhiều người đào vàng nghiện thuốc phiện (sau này nghiện ma túy trở thành vấn đề xã hội của huyện, mặc dù nó không chỉ bắt nguồn từ thời gian trước đây); họ không ăn, ngủ đúng giờ. Khắc nghiệt đến mức đôi khi ông nằm trên mỏ vàng để nghỉ, và nếu như mỏ vàng sụp đổ bất thành linh thì cũng tốt, để khỏi phải sống khốn khổ đến thế nữa. Thế mà kết quả chẳng được mấy: đôi khi ông trở về với một hay hai chỉ vàng, đủ để trả nợ; lúc khác lại trắng tay với tâm trạng thất bại và xấu hổ, ông thấy mình đã làm vợ con thất vọng. Tương lai không sáng sủa hơn khi ông bắt đầu làm nghề xe thồ tại Hà Nội vào giữa những năm 1980. Thu nhập rất thấp, chi tiết kiệm được một ít; công việc và điều kiện sống rất chật vật. Trên tất cả những cái đó là việc mất địa vị của một người lao động di cư mà ông đã trải qua ở Hà Nội, nơi ông cảm thấy mình bị coi như một kẻ bần cùng ở đô thị. Những trải nghiệm này cùng với cái nghèo và sự sỉ nhục lên đến đỉnh điểm khi ông “chán chẳng muốn đi đâu nữa”. Sự thất vọng với việc đi làm ăn xa này phần nào đã giải thích tại sao ông sẵn sàng ở nhà với hai đứa trẻ, Dân và cô em gái, để vợ

ông - bà Lan, đi buôn bán phế liệu ở Hà Nội vào đầu những năm 1990, khi Dân vừa tròn một tuổi.

Bây giờ ông Mạnh ở độ tuổi 50 và những câu chuyện của ông ấy không phải là duy nhất. Rất nhiều đàn ông khác cùng thế hệ của ông ấy trong huyện cũng có những câu chuyện tương tự. Những câu chuyện và phỏng vấn với họ cho thấy một số điểm liên quan. Trước hết, những chuyến đi mạo hiểm thời đó của những người đàn ông diễn ra vào những năm cuối của thời kỳ chủ nghĩa xã hội nhà nước, khi nền kinh tế đang trong thời kỳ hỗn loạn và có rất ít cơ hội để họ có thể làm nên những thay đổi lớn cho kinh tế hộ gia đình. Thứ hai, công việc ở đô thị của họ vào giữa và cuối những năm 1980, ngoài những điều kiện và mức thù lao nghèo nàn, gắn liền với những mất mát lớn về địa vị xã hội. Trước đây, hầu hết những người đàn ông thuộc thế hệ này đã từng tham gia trong quân đội - họ là những người lính bảo vệ Tổ quốc, những người anh hùng mạnh mẽ và họ được mọi người ngưỡng mộ, cho tới khi họ trở về nhà và phải đương đầu với một thực tế kiếm sống trong nền kinh tế suy thoái. Bởi vì kiếm thu nhập bằng tiền mặt cho gia đình không nhất thiết là vai trò chính của người đàn ông “truyền thống”, họ có thể dễ dàng vào vai trò ở nhà chăm sóc gia đình để cho những người vợ di cư đi làm kiếm những đồng tiền cần thiết cho gia đình. Mặc dù không kiếm ra tiền, cuộc sống và công việc ở nông thôn không bắt họ phải chịu những sỉ nhục của cuộc đời di cư ở thành phố. Ngược lại, việc tham gia vào nghề buôn bán phế liệu của những người phụ nữ ở đô thị thuận lợi hơn do mức tiêu thụ lớn hơn và nền kinh tế thịnh vượng hơn. Những người phụ nữ

cũng không bị ảnh hưởng bởi những đánh giá mâu thuẫn về tư cách của họ khi tham gia vào buôn bán phế liệu ở đô thị. Xét cho cùng, phụ nữ thường sẵn sàng hơn trong việc tham gia vào kinh doanh nhỏ để kiếm thu nhập cho gia đình.

Có lẽ do những trải nghiệm trước đây về sự thiếu thốn và khó khăn nên ông Mạnh rất tận tụy và chăm chỉ làm việc đồng áng. Hàng ngày ông dậy trước 5 giờ để cho gà lợn ăn và đi làm đồng. Ông rất hiếm khi mua thực phẩm ở chợ về cho chính mình - hầu hết những thực phẩm như rau, cá và gạo, cộng thêm đôi khi ăn thịt, đều là các sản phẩm từ vườn, ao và ruộng của gia đình. Ngoại trừ việc mua chè xanh rẻ tiền hàng ngày, thuốc lá sợi và đôi khi mua rượu để uống, chi phí hàng ngày của ông rất hạn chế đối với những nhu cầu cơ bản nhất. Ông thường xuyên trách móc Dân - con trai ông, về việc chi tiêu trước đây, mà ông cho là quá tay, đặc biệt khi Dân còn đang kiếm ra tiền với tư cách là người kinh doanh phế liệu lưu động ở Hà Nội. Một đêm Dân say rượu trở về nhà từ quán karaoke ở trung tâm huyện với những người bạn để tổ chức việc khao xe máy mới của một người bạn (hay “*rửa xe máy mới*”, như họ nói). Sáng hôm sau, bố anh rầy la anh và lại nói rằng nếu Dân biết tiết kiệm đồng tiền kiếm được thì anh sẽ có một cuộc sống dễ dàng hơn. Lúc ấy Dân dường như cảm thấy có lỗi với những việc đã xảy ra đêm trước, nên phản đối một cách yếu ớt: “Thanh niên chơi tí có gì đâu. Đòi ai mà chả có lúc chơi bời, phá phách?”, một câu anh hay nói.

Tuy nhiên, vào những dịp khác, ông Mạnh thường chăm chú lắng nghe những câu chuyện của Dân về những năm anh ấy đi

buôn đồ điện, bắt đầu khoảng 5 năm trước đây khi anh 17 tuổi. Cho dù lúc đầu anh được người mẹ buôn bán đồng nát đưa ra Hà Nội, anh không sống cùng mẹ trong nhà trọ mà làm việc với một người bạn cùng làng lớn hơn anh ta vài tuổi. Hưng, một người rất có kinh nghiệm trong việc nhận định hàng hóa có giá trị và mặc cả với khách hàng. Hưng thường làm mặt tỉnh bơ khi thấy một món đồ có giá trị để thuyết phục họ bán những đồ phế liệu đó với giá rẻ mạt. Khi đó họ sống cùng với 30 người khác, đó là những người đàn ông và đàn bà cùng huyện, trong một nhà thuê ở Hoàng Cầu, trước đây là một khu nhà ổ chuột với cơ sở hạ tầng nghèo nàn, tập trung đông những nhà trọ rẻ tiền dành cho những người di cư thuê. Mỗi người có một chỗ ngủ trên chiếc giường chung. Trái ngược với phòng trọ đơn sơ nơi họ ở, hoạt động của họ có vẻ “rất chuyên nghiệp”. Dưới đây là câu chuyện mà Dân nói về cách làm việc của những người phụ nữ buôn bán đồ phế liệu:

Nói chung là phải biết làm đúng cách. Chứ cứ như mấy bà đồng nát, chỉ nhằm nhằm mua mấy cái đồ vớ vẩn cũ, thì cũng chỉ vừa đủ đút miệng.

Một nam sinh viên cùng huyện giúp họ quảng cáo trên mạng Internet, tạo mối liên hệ của họ như một công ty kinh doanh giải quyết các đồ có thể tái chế của các văn phòng và công ty. Công việc tiến triển tốt; rất nhiều người gọi đến, họ muốn bán hàng đồng nát đã qua sử dụng và các loại phế liệu khác cho họ, đôi khi người ta gọi đến nhiều quá không thể nào giải quyết được và họ phải chuyển cho những người kinh doanh khác. Giống như *những người buôn*

*bán đồ điện* khác (Nguyen, 2013), Dân thường nhấn mạnh rằng công việc kinh doanh này đòi hỏi người buôn bán phải nắm được tâm lý con người, có thể phát hiện được điểm yếu của họ và tỏ ra thờ ơ, không thể hiện quan tâm tới món hàng quá. Theo cách đó, một vài người không bán đồ của họ cho những người buôn khác với giá cao hơn mà lại bán đồ cho họ với giá “rẻ như bùn”.

Tuy nhiên, thu nhập của họ thời đó còn nhờ vào buôn bán đồ điện cổ. Vào những năm 2000, người giàu bắt đầu chuộng tivi, đài cổ được phục chế và đặc biệt là những chiếc quạt để trang trí trong nhà, biến những thứ đồ cũ kỹ thành những món đồ khan hiếm và có giá. Đến bây giờ, bất cứ thứ đồ điện cổ nào cũng rất được giá (cho dù có một số đồ nhái mới làm tương đối tốt); một chiếc quạt trần cổ được tân trang lại cũng có thể bán được hàng trăm triệu đồng và giá mà những người chuyên phục chế trả cho hàng cổ xịn có thể lên tới vài chục triệu đồng. Đặc biệt, quạt Marelli với nhiều chủng loại khác nhau có giá trị lớn vì sự trang nhã và quý hiếm của nó. Hưng có con mắt tinh đời đối với những thứ đồ này và giá trị của chúng, những kỹ năng này Dân học được rất nhanh từ Hưng. Ngay sau khi hai người nhìn thấy những thứ này, họ sẽ ra tay vận dụng những kỹ năng của mình. Một lần họ được một người phụ nữ đứng tuổi gọi tới, bà ta muốn đổi một chiếc quạt trần cũ lấy chiếc quạt mới trị giá khoảng 400.000 đồng. Sau khi nhanh chóng mua cho bà ta một chiếc quạt mới, họ tháo nó ra và mang đi ngay lập tức. Khi họ đi chưa xa khỏi nhà người phụ nữ đó thì con trai của bà ta bắt gặp và muốn lấy lại chiếc quạt, nói rằng đó là vật kỷ niệm của gia

đình. Họ nói với anh ta rằng họ đã mua chiếc quạt của một người buôn khác với giá 4 triệu đồng, và nếu anh ta muốn lấy lại, anh ta phải trả 5 triệu đồng, cuối cùng thì người kia cũng phải đồng ý. Lần khác, hai người trong số họ nhìn thấy một người phụ nữ buôn bán phế liệu đang định phá chiếc quạt đứng Marelli để lấy đồng bán cho các bãi phế liệu và họ tận dụng ngay cơ hội:

Các bà đồng nát thì biết hình dạng cái quạt cổ thế nào cơ chứ. Khi mình nhìn thấy bà ấy định đập, mình bảo “Sao cô lại phá nó ra làm gì? Để cháu mua lại cho. Cháu sẽ trả cô giá cao hơn giá bãi người ta trả tiền mua đồng của cô”. Sau một vài câu mặc cả, bà ấy bán cho mình có 220 ngàn đồng. Hôm ấy hai thằng giắt túi 5 triệu đồng từ chiếc quạt. Sau khi bán chiếc quạt đó cho một người chuyên phục chế quạt cổ ở Hàng Gai, tối hôm ấy hai thằng ra Bờ Hồ làm một châu bia tươi Đức.

Trái ngược với những người phụ nữ buôn phế liệu, khi chuyện trò với nhau và với chúng tôi về công việc làm ăn, Dân, Linh và cả Hưng không chỉ nhấn mạnh kỹ năng và tri thức của họ về buôn bán hàng hóa, và những khoản tiền mà họ kiếm được từ nghề này, mà họ còn đề cập nhiều đến việc tiêu tiền. Khác với cha của họ, những người luôn tiết kiệm và muốn họ để dành những khoản tiết kiệm để nuôi gia đình tương lai của họ, những chàng trai trẻ này không do dự khi tiêu tiền. Bất kể khi nào họ kiếm được tiền từ các vụ làm ăn như thế, Dân và Hưng đều sẵn sàng đi tìm những thú vui thường thấy ở những người đàn ông trung lưu thành thị như uống bia tươi ngoài hay ăn những bữa đất tiền với rượu ngoại. Ngoài ra, Linh còn hay kể những trải nghiệm

về tình dục của mình, thường nói với Nhâm, chàng trai trẻ nhất rằng: “Cái trình của các chú với gái còn kém lắm!”. Một lần Linh cá cược với một thanh niên khác rằng mình sẽ “chinh phục” một cô gái trong vòng một tuần và anh ta đã thắng. Lần khác anh ta tán tỉnh một vài cô trẻ đẹp khác quê miền núi, những người được cho là dễ dãi. Anh ta thường lui tới các quán và thậm chí gặp gỡ cả những người đồng tính nam - anh ta nói: “Hội đây nó khác tính lắm, nhưng nếu mình biết cách tiếp xúc đã chiếm được cảm tình của họ, thì họ rất thoải mái. Bọn họ có rất nhiều tiền và họ sẽ chiêu đãi mày một bữa ăn ngon mà không phải nghĩ ngợi gì nhiều”. Khả năng tiêu tiền và tiêu dùng, đặc biệt làm theo xu hướng tiêu thụ của những người đàn ông trung lưu thành thị, được các nam thanh niên này coi là hết sức quan trọng đối với tính đàn ông của họ và họ tận dụng lợi nhuận ngầm của việc buôn bán phế liệu để làm những việc đó. Giống như những người cha của mình, họ vẫn là một bộ phận của tầng lớp lao động đô thị với địa vị xã hội thấp kém ở Hà Nội (Nguyen, 2013). Nhưng khác với những người cha của họ, họ có ý thức bù đắp cho những trải nghiệm bị đẩy ra bên lề xã hội như vậy thông qua việc đôi khi cho phép mình sử dụng những hàng hóa và dịch vụ mà đàn ông trung lưu ở thành phố hay dùng bằng những đồng tiền mà họ kiếm được từ phế liệu đô thị.

Tuy nhiên, đồng tiền không phải lúc nào cũng kiếm được dễ dàng, và theo lời của Dân: “Không ai có thể chơi mãi được”. Anh ta và Hưng đã thôi việc buôn bán phế liệu khoảng ba năm nay, một phần vì đồ cổ trở nên khan hiếm hơn. Mặc dù sau này *những*

*người đi đồ điện* có nhiều cơ hội hơn với mức tiêu thụ các dụng cụ điện tử ở đô thị lớn hơn, chẳng hạn như: máy tính hay điện thoại di động, những thứ này không mang lại lợi nhuận lớn như đồ cổ. Điều quan trọng hơn, Hưng dính vào cờ bạc và không chỉ mất tiền của anh ta mà còn mất cả tiền tiết kiệm của bố anh ta. Cuối cùng, bố anh ta bắt anh ta phải về nhà để lấy vợ. Còn Dân thì vào thành phố Hồ Chí Minh cùng với Linh, người đã từ bỏ việc buôn bán phế liệu vài năm trước, để lái xe tải thuê cho một công ty vận tải tư nhân. Sau này khi Linh ra miền Bắc lấy vợ, Dân vẫn ở đó và sống một cuộc đời ít phiêu lưu hơn với đồng lương tháng ổn định cho tới ngày gần đây anh ta trở lại quê.

Trong câu chuyện của những người đàn ông trẻ, việc từ bỏ buôn bán phế liệu lưu động này được coi như bước chuyển sang một giai đoạn mới của cuộc sống, khi họ bắt đầu một lối sống biết nghĩ về tương lai hơn là chỉ được ngày nào hay ngày nấy. Chẳng hạn, họ bắt đầu biết tiết kiệm những đồng lương tháng của mình và gửi về cho bố mẹ. Dân thường phàn nàn rằng anh gửi tiền về cho bố mẹ để mua tủ lạnh và một cái ti vi màn hình phẳng, nhưng họ chẳng bao giờ mua. Thời kỳ làm công ăn lương của người di cư ở miền Nam tạo ra cho Linh và Dân một bước quá độ chuẩn bị cho giai đoạn lấy vợ và có cuộc sống gia đình (ở huyện, những người đàn ông thường lấy vợ ở độ tuổi 20), và cuối cùng sau đó quay lại với nghề buôn bán phế liệu. Linh đã nghĩ rằng mình trở về nhà lấy vợ chỉ để làm vừa lòng cha mình, ông muốn anh ổn định cuộc sống ở miền Bắc cho gần gia đình hơn, thế nhưng sau đó anh ta cảm nhận một sự thay đổi lớn trong thái độ sống của mình, theo lời anh kể với tôi:

Trước đây em chơi bời nhiều mà cứ chỗ nào thích là em đi. Nhưng từ khi lấy vợ và sau đó có con trai, em thấy không còn nhu cầu đi chơi ăn uống ở ngoài hay thử cái nọ cái kia. Em cũng chẳng biết tại sao, em chỉ cảm thấy không muốn làm những việc đó nữa. Có lẽ giờ em đã đến lúc tu rồi (*tu* - từ anh ta dùng có nghĩa là *tu tỉnh*, hoặc là *thầy tu*, theo nghĩa tự chủ trong thú vui nhục dục).

Vợ Linh vẫn đi buôn phế liệu lưu động tại Hà Nội, còn con trai của họ sống ở nhà với ông nội, còn người vợ hiện nay của ông nội, mẹ kế của Linh, cũng đang làm công việc đó ở Hà Nội. Vợ Linh là người đi chợ có lộc, theo như cách nói của người trong huyện; cô có thu nhập khá với công việc buôn bán phế liệu kết hợp với dọn nhà theo giờ cho các hộ gia đình ở đô thị. Với chiếc xe ba bánh của mình, Linh cũng có thu nhập ổn định, miễn sao xe của anh ta hoạt động ở Hà Nội mà không bị cảnh sát giao thông bắt phạt. Thu nhập của cả hai người lên tới 10 - 15 triệu đồng/tháng, phụ thuộc vào vận may của họ. Linh bây giờ không còn cảm thấy có nhu cầu tham gia vào những thói tiêu pha lãng phí, mà tiền của anh ta còn do vợ quản lý, một người phụ nữ tần tảo, điều đó có nghĩa là khả năng để dành thu nhập của anh ta lớn hơn. Vì vậy, họ có thể xây một căn nhà tương đối rộng trên đất của cha mẹ anh ta. Họ phải vay mượn họ hàng và việc hoàn thành ngôi nhà phải mất nhiều năm, nhưng Linh rất tin vào khả năng sớm trả hết các món nợ của hai vợ chồng mình. Khi họ xây nhà xong, và nếu thuận lợi, họ sẽ tính đến việc mở bãi phế liệu ở Hà Nội để tìm kiếm cơ hội tăng thu nhập. Ở làng, bây giờ các thanh niên nam rất ngưỡng mộ Linh và người lớn tuổi thường khen Linh vì đã xây được nhà riêng khi vừa mới 30 tuổi.

Giống như Linh, Dân trước đây có bạn gái đang học tại một trường cao đẳng nghề, trước khi họ chia tay bởi vì “mình là con nhà nông dân và chỉ nên lấy vợ cùng hoàn cảnh”. Anh rất hài lòng vì đã tìm được người vợ sắp cưới này, một phụ nữ trẻ ở xã khác của huyện Mùa Xuân, con gái của một gia đình buôn bán phế liệu. Anh ta phấn khởi ra mặt về việc sắp lấy vợ và trở thành người chủ gia đình. Khi chuyện trò với những người đàn ông khác, anh ta thường thích nói về những chi phí cho đám cưới và chủ đề về công việc mà người vợ tương lai sẽ làm, ở nhà hay đi làm cùng mình ở Hà Nội, là một chủ đề Dân hay bàn đến. Kế hoạch của bố mẹ Dân là sẽ tìm một nơi để mở bãi phế liệu ở Hà Nội và bố mẹ anh sẽ hỗ trợ vốn liếng cho họ làm việc đó. Đối với Dân, dường như đó là lẽ tự nhiên, anh đương nhiên sẽ làm như thế trong giai đoạn tiếp theo của cuộc đời. Vợ tương lai của Dân không muốn anh tiếp tục làm tài xế vì sợ tai tiếng hay quan hệ lãng nhãng của những người lái xe tải và anh ta cũng muốn sống gần vợ thời gian đầu, mặc dù khi họ có con, mọi việc sẽ khác. Việc mở bãi phế liệu sẽ giúp họ được sống cùng nhau (một việc không hề dễ thực hiện trong điều kiện nhiều người đi làm ăn xa trong huyện), và có cơ hội thu nhập cao hơn. Nếu họ thành công trong việc mở bãi phế liệu, họ sẽ thực hiện được mục tiêu mà cha mẹ họ cho đến nay vẫn chưa làm được. Với tư cách là người chủ bãi phế liệu, anh ta sẽ có địa vị trong nghề buôn bán phế liệu khác hẳn so với trước đây, và anh ta sẽ phải có chiến lược hơn với các hoạt động kinh doanh của mình, bởi vì làm bãi phế liệu đòi hỏi đầu tư lớn hơn và phải có kế hoạch phù hợp để giải quyết những rủi ro (Nguyễn, 2013). Còn phải xem liệu anh ta có thành công hay

không, nhưng bây giờ thì Dân tin tưởng rằng những kinh nghiệm và kỹ năng trước đây của anh sẽ giúp mình dễ dàng thực hiện kế hoạch này.

Tóm lại, mặc dù những người đàn ông này thể hiện nam tính theo kiểu giống những người đàn ông Mỹ Latinh (Horton và Rydstrom, 2011), nhấn mạnh đến thú vui nhục dục như là đặc quyền của đàn ông và “tay trên” trong quan hệ với đàn bà, họ không còn là những người đàn ông trẻ mà họ đang kể đến. Bây giờ Hưng đã trở thành người bố của hai đứa trẻ (thói quen cờ bạc của anh hình như cũng đã bớt được phần nào), Linh cũng đã làm cha, trong khi Dân đang chuẩn bị làm chồng và chẳng bao lâu nữa sẽ làm cha. Thay vì chỉ “chơi và phá”, theo như cách nói của Dân, bây giờ họ cố gắng sống với vai trò của người chủ gia đình; tiền đối với họ không chỉ là phương tiện để đáp ứng những thú vui trước mắt của cuộc sống, mà là để tạo dựng uy tín đàn ông của họ, chẳng hạn như qua việc xây nhà hay đầu tư cho sinh kế trong tương lai. Họ không nói về những người vợ theo cách mà họ đã từng nói về những người đàn bà mà họ đã gặp trước đây; họ biết “sợ vợ” và những ý kiến của vợ họ phải được coi trọng. Trong cuộc sống hàng ngày, họ không né tránh việc nhà, kể cả việc chăm sóc trẻ, nấu ăn hay giặt giũ khi vợ không có nhà. Tuy nhiên, ngay sau khi những người đàn bà di cư ở Hà Nội trở về nhà, thì những công việc này lập tức lại được chuyển sang cho họ. Như vậy, những người đàn ông này đang cư xử theo cách tương tự như những người cha của họ, khi mẹ của họ đi làm ở Hà Nội và họ sống ở nhà với cha mình (Nguyen in press). Tuy nhiên, vì không phải mang những gánh nặng của thế hệ trước và được khích lệ bởi những

chuyến phiêu lưu sôi nổi của họ trước đây ở thành phố, họ sẵn sàng hơn để nắm bắt cơ hội trong thành phố và có lẽ họ sẽ ít có xu hướng ở nhà như những người cha của họ. Bây giờ họ kiếm chế phiêu lưu và “ăn chơi” mà họ đã làm vào thời trai trẻ vì mục đích lâu dài, đối với họ việc tiêu xài và thú vui nhục dục vẫn còn là những thứ đáng để đàn ông theo đuổi.

### Kết luận

Trong bài, tôi đã tập trung vào những ý niệm và các hành xử nam tính luôn biến đổi qua trường hợp các nam thanh niên của huyện Mùa Xuân, những người có con đường tiến thân qua nghề buôn bán phế liệu đô thị, một hình thức sinh kế phổ biến của những người di cư trong huyện. Có thể thấy rằng những ý niệm và thực tiễn này thay đổi theo thời gian khi người đàn ông chuyển từ giai đoạn thanh niên sang cuộc sống của người trưởng thành, và chúng liên quan tới khoảng cách mà họ muốn tạo ra giữa họ và những người cha của mình, đặc biệt thông qua kiếm tiền và tiêu tiền. Vai trò kinh tế của thế hệ đàn ông trước bị cản trở do thiếu cơ hội và việc họ phải đối mặt với những thay đổi sâu sắc trong các giá trị xã hội sau Đổi mới. Cuộc sống bấp bênh của họ ở thành phố với tư cách là người lao động di cư sau một thời kỳ người đàn ông được đưa lên thành những người bảo vệ và xây dựng đất nước đã làm tổn thương sâu sắc tới nam tính của họ. Chính vì thế, họ sẵn sàng đánh đổi vai trò giới một cách nhất thời với những người phụ nữ, ở lại trong biên giới an toàn của nhà mình và làng quê để không phải đối mặt với sự sỉ nhục của cuộc sống đô thị. Các con trai của họ, sinh ra trong thời kỳ Đổi

mới, không phải đối mặt với những vấn đề như vậy, do vậy, họ đã thích nghi dễ dàng hơn với những điều kiện xã hội mới, táo bạo hơn trong hành động. Cho dù đời sống đô thị và công việc của họ vẫn còn bấp bênh và không an toàn, đặc biệt là do địa vị pháp lý của những người di dân nông thôn lên thành phố (Nguyen và Locke, đang xuất bản), họ sẵn sàng áp dụng những tư tưởng đô thị đang thăng thế và những hành xử nam tính xoay quanh việc kiếm tiền, tiêu xài và thú vui nhục dục. Tuy nhiên, những tư tưởng này hấp dẫn hơn đối với họ khi còn là thanh niên so với khi họ đã trở thành những người chồng và người cha, lúc những tư tưởng mang tính quy chuẩn hơn đã ăn sâu bén rễ bởi những người cha nông dân trở nên ảnh hưởng hơn tới họ.

Sự khác biệt về chu kỳ đời người và các thế hệ như vậy là rất quan trọng đối với những cách thức mà những người đàn ông này tham gia vào buôn bán phế liệu đô thị, cho dù những khác biệt này cũng chịu ảnh hưởng lớn của sự phân định giữa họ và những người buôn phế liệu nữ, rất có thể là mẹ hay vợ của họ. Những ý tưởng và hành xử này cho thấy một khung nam tính vốn không chỉ luôn biến đổi và tương tác (Cornwal và Lindisfarne, 1994), mà còn không ngừng lai tạp, kết hợp nhiều ý tưởng khác nhau về những gì được coi là đàn ông sau thời kỳ Đổi mới ở Việt Nam, khi cuộc sống của họ hàng ngày như chiếc cầu nối giữa thế giới thành thị và nông thôn.

**Nguyễn Thị Hồng Nhị dịch**

**Trần Hồng Hạnh hiệu đính**

### Tài liệu tham khảo

1. Cornwall, A. and N. Lindisfarne (1994), *Dislocating Masculinity: Comparative Ethnographies*, Routledge, London, New York.
2. Ford, M. and L. Lyons (2012), *Men and Masculinities in Southeast Asia*, Routledge, New York, NY.
3. Gilmore, D. D. (1990), *Manhood in the Making: Cultural Concepts of Masculinity*, Yale University Press, New Haven, Conn.
4. Gourou, P. (1955), *The Peasants of the Tonkin Delta: a Study of Human Geography*, Human Relations Area Files.
5. Horton, P. and H. Rydstrom (2011), "Heterosexual Masculinity in Contemporary Vietnam: Privileges, Pleasures, and Protests", *Men and Masculinities* 14(5), Pp. 542-564.
6. Le, T. C., A. T. Rambo, et al. (1993), "Too Many People, Too Little Land: the Human Ecology of a Wet Rice-growing Village in the Red River Delta of Vietnam", *Occasional Paper*, Honolulu East-West Center, Program on Environment.
7. Leshkovich, A. M. (2011), "Making Class and Gender: (Market) Socialist Enframing of Traders in Ho Chi Minh City", *American Anthropologist* 113(2), Pp. 277-290.
8. Mitchell, C. L. (2008), "Altered Landscapes, Altered Livelihoods: The Shifting Experience of Informal Waste Collecting during Hanoi's Urban Transition", *Geoforum* 39(6), Pp. 2019-2029.

9. Mitchell, C. L. (2009), “Trading Trash in the Transition: Economic Restructuring, Urban Spatial Transformation, and the Boom and Bust of Hanoi's Informal Waste Trade”, *Environment and Planning A* 41(11), Pp. 2633-2650.

10. Nguyen-Vo, T. H. (2008), *The Ironies of Freedom: Sex, Culture, and Neoliberal Governance in Vietnam*, University of Washington Press, Seattle.

11. Nguyen, T. N. M. (2013), ““Đi chợ” and “Mở bãi”: Performance and Space Production in a Rural-urban Recycling Economy of Vietnam”, *Working Paper Series*, No. 146, Max Planck Institute for Social Anthropology, Halle/Saale.

12. Nguyen, T. N. M. (2014), “Translocal Householding: Care and Migrant Livelihoods in a Red River Delta District”, *Development and Change* 45 (6).

13. Nguyen, T. N. M. and C. Locke (in press), “Rural-urban Migration in China and Vietnam: Gendered Householding, Space Production and the State”, *Journal of Peasant Studies*.

14. Song, G. (2004), *The Fragile Scholar: Power and Masculinity in Chinese Culture*, Hong Kong University Press, Hong Kong.

15. Vu, T. L., N. H. Nguyen, et al. (2010), *Sexual Profile of Vietnamese Men: A Preliminary Investigation in Hanoi, Ha Tay, Can Tho, and Ho Chi Minh City*, Women Publishing House and Institute of Social Development Studies, Hanoi.

16. Wiegersma, N. (1991), “Peasant Patriarchy and the Subversion of the Collective in Vietnam”, *Review of Radical Political Economics* 23(3-4), Pp. 174-197.



Một chủ bãi hàng phế liệu

Ảnh: Nguyễn Thị Nguyệt Minh